TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2017/DS-ST
Ngày 13 - 11 - 2017
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn C (N), sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp B, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp B, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2017 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Vào ngày 19/10/2015 âm lịch, bà Nguyễn Thị L có hỏi vay của ông số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 750.000 đồng/ tháng. Hai bên thỏa

thuận khi nào ông C muốn lấy lại vốn thì báo trước thời gian 20 ngày bà L sẽ trả dứt điểm cả gốc và lãi. Bà L thực hiện đóng lãi đến tháng 4/2016 thì ngưng. Từ đầu năm 2017 cho đến nay ông C đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L vẫn không trả mà nói khi nào có tiền mới trả, còn khi nào có tiền thì không biết. Khi cho vay giữa các bên không làm giấy tờ biên nhận nhưng tại buổi hòa giải của ấp B bà L thừa nhận có nợ ông C số tiền nêu trên.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà L trả số nợ gốc 15.000.000 đồng làm một lần và không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận hiện còn nợ của ông C số tiền 15.000.000 đồng, do hoàn cảnh gặp khó khăn xin trả nợ dần cho ông C và mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà L không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã trả cho ông C.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng kết quả hòa giải không thành.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Những nội dung các đương sự đã thống nhất: Ông C và bà L thống nhất xác nhận bà i hiện còn nợ của ông C 15.000.000 đồng; các đương sự cùng thống nhất không tính lại số tiền lãi đã trả và không tính thêm tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2016 cho đến nay.

Ngoài lời trình bày của mình, các đương sự còn thống nhất với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án là Biên bản hòa giải tại Ấp B xã N.Y ngày 25/9/2017.

Nội dung không thống nhất: Ông C yêu cầu bà L trả số nợ làm 01 lần dứt điểm, bà L đề nghị trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông C khởi kiện yêu cầu bà L trả số nợ vay là 15.000.000 đồng . Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Xét yêu cầu khởi kiện của ông C, Hội đồng xét xử xét thấy: Số nợ 15.000.000 đồng mà ông C yêu cầu bà L trả nợ được bà L thừa nhận trong quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay đồng thời còn phù hợp với chứng cứ khác là lời thừa nhận nợ của bà L thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 25/9/2017 của tổ hòa giải ấp B, xã N. Y nên có căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ. Bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, căn vào Điều 466 Bộ luật dân sự qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C buộc bà L hoàn trả cho ông C số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu xin trả nợ dần của bà L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã gây thiệt hại tới quyền lợi của người cho vay, đề nghị trả nợ dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ của bà L không được ông C đồng ý và nhận thấy việc kéo dài thời gian trả nợ sẽ tiếp tục gây thiệt hại tới quyền lợi của ông C do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của bà L.

Các đương sự cùng thống nhất không tính lại số tiền lãi đã trả và không tính thêm tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2016 cho đến nay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ông C không có yêu cầu.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận buộc bà L phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là: 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng.

Hoàn trả cho ông C số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 375.000 đồng

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn C số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Nghĩa vụ trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ông Trần Văn C không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Văn C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007000 ngày 12/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

3. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/11/2017.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân*

sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- *TAT;*
- *VKS An Biên;*
- *THADS;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ.*

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm